

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST
Ngày: 14-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLST-DS ngày 03/5/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-DS ngày 30/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-DS ngày 17/9/2019; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **T**, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

* *Bị đơn:* Anh **K**, sinh năm 1972 và chị **H**, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt.*

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **V**; sinh năm 1980; địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 nguyên đơn trình bày:* Ngày 06/01/2017 chị T có cho vợ chồng anh K mượn 15 chỉ vàng 24 kara, thời gian mượn là một năm, nhưng đến nay hơn hai năm mà vợ chồng anh K, chị H chưa trả. Do đó chị T khởi kiện yêu cầu anh K, chị H trả 15 chỉ vàng 24 kara.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T và anh V trình bày: Vợ chồng anh chị có cho anh K, chị H vay 15 chỉ vàng 24 kara vào ngày

26/01/2017 âm lịch; thời hạn vay là một năm, thỏa thuận lãi mỗi năm là 4,5 chỉ vàng 24 kara. Anh K và chị H đã đóng lãi được 4,5 chỉ. Nay yêu cầu anh K và chị H trả lại số vốn 15 chỉ vàng 24 kara (loại 98%), không yêu cầu xem xét lại số vàng lãi đã đóng trước đây.

* Bị đơn anh K và chị Võ H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Nhưng tại tờ tường trình ngày 21/5/2019 anh K và chị H có trình bày: Năm 2017 anh chị có vay của vợ chồng anh V, chị T 15 chỉ vàng 24 kara, thỏa thuận lãi mỗi năm là 4,5 chỉ vàng 24 kara. Năm 2018 anh chị đóng được 4,5 chỉ vàng. Hiện nay gia đình gặp nhiều khó khăn, đã bán hết đất để trả nợ Nhà nước, nhưng vẫn còn nợ nhiều người. Nay thống nhất trả cho anh V, chị T 15 chỉ vàng, xin không tính lãi nữa. Cuối năm 2019 sẽ trả 1,5 chỉ, các năm sau mỗi năm trả 02 chỉ cho đến khi hết 15 chỉ. Không yêu cầu tính lại số vàng lãi đã đóng.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt phiên tòa lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ năm 2011 Ngân hàng Nhà nước đã không cho thực hiện cho vay bằng vàng, do đó đề nghị tuyên hợp đồng vay vàng giữa anh V, chị T với anh K, chị H vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh K, chị H cùng có nghĩa vụ trả cho anh V, chị T 15 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 98%). Trước đó anh K, chị H có đóng lãi 4,5 chỉ vàng nhưng không yêu cầu lấy lại nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh V, chị T cho anh K, chị H vay 15 chỉ vàng 24 kara, nay xảy ra tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh K, chị H các văn bản tố tụng nhưng anh K, chị H không đến Tòa án để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Các bên đều thừa nhận năm 2017 âm lịch, vợ chồng anh V, chị T có cho anh K, chị H vay 15 chỉ vàng 24 kara. Thời gian vay là một năm, lãi mỗi năm là 4,5 chỉ vàng 24 kara. Anh K, chị H đã đóng lãi được một năm là 4,5 chỉ vàng 24 kara. Như vậy, các đương sự trình bày không mâu thuẫn về số nợ nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem đây là tình tiết, sự kiện có thật, không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 quy định về việc chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng, do đó hợp đồng vay vàng giữa các đương sự vô hiệu, các bên hoàn trả lại nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 122, 123, 131, 407 của Bộ luật Dân sự; theo đó anh K, chị H phải trả cho anh V, chị T 15 chỉ vàng 24 kara đã nhận.

[3] Về thời gian thanh toán nợ: Anh K, chị H có tờ trình yêu cầu được trả dần số vàng, cụ thể cuối năm 2019 sẽ trả 1,5 chỉ, các năm sau trả mỗi năm 02 chỉ. Nhưng anh K, chị H không đến dự hòa giải và phiên tòa nên Tòa án không thể cho các bên tự thỏa thuận, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 122, 123, 131, 407 của Bộ luật Dân sự, buộc anh K, chị H cùng liên đới trả cho anh V, chị T 15 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 98%).

Đối với số vàng anh K, chị H đã đóng lãi, các đương sự không ai yêu cầu xem xét lại nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Án phí sơ thẩm: Yêu cầu của anh V, chị T được chấp nhận nên căn cứ Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh K, chị H cùng chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, 123, 131, 407 của Bộ luật Dân sự; Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên hợp đồng vay vàng giữa anh V, chị T với anh K, chị H vô hiệu. Buộc anh K, chị H cùng liên đới trả cho anh V, chị T **15** (Mười lăm) chỉ vàng 24

kara (loại vàng 98%).

2. Án phí sơ thẩm: Anh K, chị H cùng liên đới chịu án phí là **300.000** đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh V và chị T không phải chịu án phí; chị T được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.312.000** đồng (Một triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000106 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận